SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TP. HCM
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH
DỰ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: **Thực tập điện tử cơ bản** — Thi lần: 1
Ngành: Điện công nghiệp — Học kỳ: I
Lớp: 12 DC2 — Khóa: 08 (2012 - 2014) — Năm học: 2013 - 2014
Giờ thi: — Ngày thi: — Phòng thi:

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Số tờ	Thí sinh (Ký tên)	Điểm thi HP		Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 1	HS 2	TB KT			Bằng số	Bằng chữ	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	12ĐC2001	Phan Thế	**An**	12/01/1990	7	8	8		7.7			7,5	Bảy, năm	
2	12ĐC2002	Nguyễn Hoàng	**Ân**	23/06/1988	8	8	9		8.3			8,0	Tám	
3	12ĐC2008	Đoàn Thanh	**Đại**	20/10/1984	5	7	5		5.7			V	Vắng	
4	12ĐC2009	Lữ Văn	**Điệp**	19/04/1991	7	7	5		6.3			6,5	Sáu, năm	
5	12ĐC2010	Nguyễn Văn	**Din**	21/06/1990	7	8	9		8.0			7,5	Bảy, năm	
6	12ĐC2049	Nguyễn Minh	**Đức**	01/09/1988	7	7	6		6.7			6,5	Sáu, năm	
7	12ĐC2011	Phan Ngọc	**Hà**	27/09/1986	7	6	6		6.3			6,5	Sáu, năm	
8	12ĐC2012	Lê Minh	**Hoàng**	00/00/1978	8	8	7		7.7			7,5	Bảy, năm	
9	12ĐC2013	Nguyễn Xuân	**Hùng**	12/02/1992	7	7	9		7.7			7,5	Bảy, năm	
10	12ĐC2014	Nông Thi	**Hùng**	02/07/1988	7	7	6		6.7			7,0	Bảy	
11	12ĐC2019	Nguyễn Xuân	**Khải**	15/07/1987	7	7	8		7.3			7,0	Bảy	
12	12ĐC2020	Phan Tấn	**Khanh**	27/06/1984	8	8	7		7.7			7,0	Bảy	
13	12ĐC2023	Kiều Thành	**Lâm**	01/01/1990	7	6	6		6.3			6,5	Sáu, năm	
14	12ĐC2024	Trần Hoàng	**Long**	28/10/1988	8	8	7		7.7			6,5	Sáu, năm	
15	12ĐC2029	Nguyễn Văn	**Sinh**	23/05/1980	6	7	6		6.3			6,5	Sáu, năm	
16	12ĐC2032	Nguyễn Thế	**Tân**	16/10/1983	7	7	6		6.7			5,0	Năm	
17	12DC2	Lê Xuân	**Thái**	25/03/1989	7	8	7		7.3			6,5	Sáu, năm	
18	12ĐC2033	Trần Văn	**Thành**	06/12/1989	7	7	7		7.0			7,0	Bảy	
19	12ĐC2036	Lê Đức	**Thuận**	24/06/1983	8	8	8		8.0			7,5	Bảy, năm	
20	12ĐC2040	Huỳnh Dương	**Toàn**	27/07/1989	7	8	7		7.3			7,0	Bảy	
21	12ĐC2041	Võ Trúc	**Trà**	18/07/1991	7	6	7		6.7			6,5	Sáu, năm	

TT	Mã HS	Họ & Tên		Ngày sinh	Điểm qúa trình					Số tờ	Thí sinh (Ký tên)	Điểm thi HP		Ghi chú
					HS 1	HS 1	HS 1	HS 2	TB KT			Bằng số	Bằng chữ	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
22	12ĐC2042	Dương Thanh	**Trí**	20/02/1990	7	6	6		6.3			6,5	Sáu, năm	
23	12ĐC2043	Đinh Quang	**Trường**	15/08/1989	7	8	8		7.7			7,5	Bảy, năm	
24	12ĐC2045	Doãn Khánh	**Tuân**	10/08/1993	8	8	7		7.7			6,5	Sáu, năm	
25	12ĐC2047	Phạm Minh	**Tuấn**	10/06/1994	7	7	5		6.3			6,5	Sáu, năm	
26	12DC1047	Trần Tấn	**Phát**	19/04/1994	7	7	7		7.0			7,0	Bảy	

Tổng số: **26** thí sinh.

Tp.HCM, ngày ..... tháng ..... năm .....

PHÒNG ĐÀO TẠO

Nguyễn Thị Thư Tuỳnh

HIỆU TRƯỞNG

(Duyệt)

15/11/2013

TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ-KỸ THUẬT SÀI GÒN

Ths. Nguyễn Việt Dũng

+ Số thí sinh có mặt:..25...
+ Số thí sinh vắng mặt:..01...
+ Số bài thi:.....
+ Số tờ giấy thi:.....

Ghi chú:

+ Thí sinh vắng thi thì CB coi thi gạch từ cột (1) đến cột (10); cột (11) ghi chữ "vắng"; gạch tiếp từ cột (12) đến cột (14).
+ Ngay sau khi nhận kết quả chấm thi từ giáo viên, phòng Đào tạo photo Danh sách này chuyển cho CB ghi Sổ đăng ký học sinh.
* Ngày giao - nhận:.....
* Người giao *(Ký, họ tên)* :.....
* Người nhận *(Ký, họ tên)* :.....

Cán bộ coi thi 1
(Ký & ghi họ tên)

Cán bộ coi thi 2
(Ký & ghi họ tên)

Giáo viên chấm thi 1
(Ký & ghi họ tên)

Huỳnh Hải Thy

Giáo viên chấm thi 2
(Ký & ghi họ tên)